

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trọng Nhân.

Ông Đỗ Trung Tín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 456/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 34 đường C, Khu phố 2, Phường 4, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn Hữu T1, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Ô 7/66, Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-8-2022 về việc xin ly hôn và qua các lần làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Bà cùng chồng là ông Trịnh Văn Hữu T1 chung sống với nhau vào năm 2008, có tìm hiểu khoảng vài tháng qua mai mối, hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên chấp nhận, không tổ chức cưới cũng không tổ chức lễ gì cả, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D vào ngày 20-01-2009.

Sau khi cưới, lúc đầu vợ chồng sống tại nhà trọ thuộc khu phố A, thị trấn D, bà đi làm công nhân, chồng bà làm tài xế. Khi cháu lớn được 06 tuổi, vợ chồng về cất nhà tạm phía sau nhà của cha mẹ chồng, trên đất của cha mẹ chồng cho ở nhờ

cho đến khi ly thân cách nay 02 năm.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Trịnh Hoài T2, sinh ngày 08-01-2009 và Trịnh Hoài T3, sinh ngày 04-6-2012. Hiện cháu T2 sống chung với bà cùng mẹ ruột bà tại Phường 4, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Còn cháu T3 đang sống cùng chồng và gia đình chồng.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bà thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu là kiểm chuyện chửi bới bà, quăng đồ đạc bà ra khỏi nhà và đuổi bà đi; chồng còn đập phá đồ đạc trong nhà mà không có lý do. Từ đó, bà phải nhiều lần bỏ nhà đi để tránh mâu thuẫn. Chồng bà rất nhiều lần như vậy nhưng khi con còn nhỏ bà cố gắng chịu đựng. Nay con đã lớn, sức khỏe bà cũng kém dần. Do không chịu đựng được nữa nên bà bỏ về sống cùng mẹ ruột bà, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng bà.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi cháu T2, bà đồng ý giao cháu T3 cho chồng bà nuôi, vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Văn Hữu T1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về vấn đề hôn nhân (vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn); về con chung, về tài sản chung và về nợ chung.

Đối với mâu thuẫn, theo ông do trong thời gian chung sống vợ ông thường bỏ nhà đi, trong một năm có khi vợ ông bỏ đi 03 đến 04 lần, mỗi lần đi từ 01 đến 02 tháng. Vợ đi đâu ông không biết và ông cũng không liên lạc được. Từ đó, ông mất niềm tin về tình cảm với vợ. Vợ chồng hiện không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Vì vậy, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ ông.

Về con chung: Ông thống nhất theo lời trình bày của vợ ông. Tức ông đồng ý nuôi cháu T3 và giao cháu T2 cho vợ ông nuôi. Vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T với ông Trịnh Văn Hữu T1. Công nhận sự thỏa thuận của ông bà về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Trịnh Văn Hữu T1 chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D vào ngày 20-01-2009, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa ông bà thì thấy: Vợ chồng mâu thuẫn do ông T1 thường uống rượu, đập phá đồ trong nhà và đuổi bà T đi. Bà T nhiều lần bỏ đi dẫn đến T1 không tin tưởng bà T về vấn đề tình cảm. Từ đó, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng ly thân từ năm 2020, không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Khi bà T yêu cầu ly hôn, ông T1 chấp nhận. Nhưng ông bà đều có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không ra được quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa ông bà. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối ông T1 là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà thống nhất bà T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Hoài T2, sinh ngày 08-01-2009. Ông T1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Hoài T3, sinh ngày 04-6-2012. Ông bà không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận giữa ông bà là phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

[2.4] Về án phí: Bà T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T với ông Trịnh Văn Hữu T1. Bà T được ly hôn với ông T1.

2/. Về con chung: Giao cháu Trịnh Hoài T2, sinh ngày 08-01-2009 cho bà Nguyễn Thị Ánh T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Trịnh Hoài T3, sinh ngày 04-6-2012 cho ông Trịnh Văn Hữu T1 được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông bà không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Bà T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0024626 ngày 07-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Bà T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh